

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 922/2019/DS-ST

Ngày: 19-12-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 484/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 400/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 M, phường N, Quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Tạ Hoàng B**, sinh năm 1994 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ – VPBank AMC.

(Văn bản ủy quyền số 18112/2019/UQ-VPB ngày 03/6/2019)

(Có mặt)

*Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số C11/15 tổ 232, ấp P, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2019 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là ngân hàng V) có ký Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 20/01/2017 (Căn cứ vào giấy đăng ký vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/01/2017) với bà Nguyễn Thị Mỹ T với số tiền vay là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), thời hạn vay là 24 tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán cho ngân hàng V số tiền gốc là 5.698.866 đồng (Năm triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng) và số tiền lãi là 5.480.986 đồng (Năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng). Sau đó, bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng; mặc dù, ngân hàng V nhiều lần liên hệ và làm việc với bà T để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, nhưng bà T vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 19/12/2019, bà Nguyễn Thị Mỹ T còn nợ số tiền gồm:

+ Số tiền gốc: 57.301.134 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm lẻ một nghìn một trăm ba mươi bốn đồng).

+ Tiền lãi: 83.547.564 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng).

Tổng cộng: 140.848.698 đồng (Một trăm bốn mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng).

Tại phiên tòa, ngân hàng V yêu cầu bà T thanh toán toàn bộ số tiền nợ nêu trên, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 20/01/2017 (Căn cứ vào giấy đăng ký vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/01/2017) mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên cho ngân hàng V.

*Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án và về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì xét thấy nguyên đơn ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T có ký với nhau hợp đồng tín dụng; do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ T trả khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng ký giữa các bên; bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 20/01/2017 (Căn cứ vào giấy đăng ký vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/01/2017) thì bà Nguyễn Thị Mỹ T có thực hiện việc vay vốn tại ngân hàng V với số tiền vay là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng). Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Bị đơn bà T khi thực hiện hợp đồng đã thanh toán được một phần gốc và lãi thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Tính đến ngày 19/12/2019, bà Tuyền còn nợ ngân hàng V số tiền gồm nợ gốc là 57.301.134 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm lẻ một nghìn một trăm ba mươi bốn đồng) và tiền lãi là 83.547.564 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng); tổng cộng là 140.848.698 đồng (Một trăm bốn

mười triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng). Ngân hàng V yêu cầu bà Tuyên thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ 20/12/2019 cho đến khi bà T thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

#### **Tuyên xử:**

##### **I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.**

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ T có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tính đến ngày 19/12/2019 là 140.848.698 đồng (Một trăm bốn mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng), bao gồm số tiền gốc là 57.301.134 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm lẻ một nghìn một trăm ba mươi bốn đồng) và tiền lãi là 83.547.564 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Các bên thi hành tại cơ quan chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày 20/12/2019, bà T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 20/01/2017 (Căn cứ vào giấy đăng ký vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/01/2017) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.042.434 đồng (Bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng).

Hoàn trả lại cho ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 3.343.608 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm lẻ tám đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002503 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**II.** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khương**